

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 625/2024/DS-PT
Ngày: 18-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Trung;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 466/2024/TLPT-DS ngày 22/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 511/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Minh C, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ B, ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Quốc C1, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- Người làm chứng:

1. Ông Đỗ Thới L, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ B, khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; nơi đăng ký tạm trú: căn 53, G18, đường N, tổ D, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Nguyễn Tùng L1, sinh năm 1960; địa chỉ: số D T, phường P thành phố T, tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký tạm trú: đường L, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Quốc C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Minh C trình bày:*

Khoảng tháng 8/2020, ông C1 bán xe ô tô biển số 61C-290.65 cho ông C. Thời điểm đó, xe còn đang thế chấp Ngân hàng. Giá thỏa thuận mua bán là 700.000.000 đồng. Ông C trả cho ông C1 173.000.000 đồng tiền mặt, số tiền còn lại hàng tháng ông C chuyển tiền cho ông C1 để ông C1 nộp trả Ngân hàng. Đến ngày 15/6/2022, ông C đã thanh toán đủ tiền xe cho ông C1 nên hai bên đã ký Hợp đồng mua bán xe ngày 15/6/2022, giá ghi trên hợp đồng này là 1.000.000.000 đồng. Lý do ghi giá trên hợp đồng khác giá mua bán trên thực tế: Ông C không rõ, hợp đồng do ông C1 đánh máy, ký tên và giao cho ông C. Hợp đồng mua bán xe ngày 15/6/2022 không được công chứng, chứng thực. Ông C và ông C1 chưa sang tên trên giấy đăng ký xe ô tô theo quy định. Ông C1 đã giao xe và bản chính giấy đăng ký, sổ đăng kiểm cho ông C.

Đến ngày 20/11/2023, ông L và ông C đã ký thỏa thuận hợp đồng mua bán xe ô tô tải xe ô tô tải hiệu Kamaz, màu xanh, biển số 61C-290.65 do ông C mua của ông C1 nhưng chưa sang tên với giá 635.000.000 đồng. Ông L đã giao cho ông C là 535.000.000 đồng. Khi ông C bán xe ô tô 61C-290.65 cho ông L, ông C có cho ông L biết nguồn gốc xe và việc giấy tờ xe vẫn do ông C1 đứng tên. Do xe của ông C1 còn đứng tên, nên khi phù hiệu xe hết hạn, ông L có nhờ ông C1 làm lại phù hiệu xe, ông C1 yêu cầu ông L chuyển 5.000.000 đồng. Ông L đã chuyển cho ông C1 số tiền 5.000.000 đồng và giấy tờ xe, sổ đăng kiểm, ông C1 giữ cho đến nay. Ông C đã nhiều lần yêu cầu ông C1 trả bản chính giấy tờ xe, ra văn phòng công chứng công chứng hợp đồng mua bán ngày 15/6/2022 để làm thủ tục sang tên. Tuy nhiên, ông C1 lảng tránh, không thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Công nhận Hợp đồng mua bán xe ô tô tải hiệu Kamaz, màu xanh, biển số 61C-290.65 giữa ông Phạm Minh C và ông Trần Quốc C1 ngày 15/6/2022 có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Trần Quốc C1 trả bản chính Giấy đăng ký ô tô số 054441 do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp cho ông Trần Quốc C1 ngày 18/8/2017 và Sổ đăng kiểm với số phiếu kiểm định 6103S-22780/23 do Đơn vị đăng kiểm chi nhánh đăng ký xe cơ giới 61.03S cấp ngày 04/12/2023 cho ông Phạm Minh C.

- Ông C được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký sở hữu xe ô tô Kamaz, biển số 61C - 290.65 theo quy định.

Đối với việc mua bán xe giữa ông C và ông L, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quốc C1 trình bày:

Giữa ông C1 và ông C có quan hệ làm ăn. Ông C1 xác định có bán cho ông C 01 xe biển kiểm soát 61C-290.65 vào khoảng năm 2020. Tại thời điểm này, xe

còn thể chấp Ngân hàng. Do có mối quan hệ làm ăn, bạn bè, mặc dù ông C chưa trả đủ tiền mua bán xe nhưng ông C1 đã giao xe cho ông C sử dụng từ năm 2020 cho đến nay. Đến ngày 15/6/2022, hai bên có ký kết hợp đồng mua bán xe ngày 15/6/2022. Nội dung: Ông C1 đồng ý bán cho ông C 01 xe biển số 61C-290.65, hiệu Kamaz, dung tích xi lanh 410.850cm³, tải có mui, màu xanh, số máy 0300G2820600, tải trọng hàng hoá 17.955kg kèm Giấy đăng ký xe số 054441 do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp ngày 18/8/2017. Ông C1 xác định chữ ký và chữ viết họ tên bên mục bên A (bên bán) tại hợp đồng mua bán xe ngày 15/6/2022 là chữ ký và chữ viết của ông C1. Tuy nhiên, giá trên hợp đồng này không đúng thực tế. Do ông C nói cần vay tiền Ngân hàng, nên nhờ ông C1 ghi giá 1.000.000.000 đồng để ông C dùng làm phương án vay tiền Ngân hàng (giá trên thực tế khoảng 700.000.000 đồng). Ông C1 không xác định được ông C đã thanh toán đủ tiền cho ông C1 chưa. Ông C1 xác nhận có nhận của ông C số tiền mặt là 173.000.000 đồng. Đây là số tiền ông C đặt cọc mua xe.

Sau khi ký hợp đồng mua bán xe, ông C1 có giao bản chính giấy đăng ký xe và sổ đăng kiểm cho ông C nhưng không nhớ rõ giao thời điểm nào. Sau này phù hiệu hết hạn nên ông C, ông L có nhờ ông C1 làm lại phù hiệu xe, ông L chuyển cho ông C1 5.000.000 đồng. Sau khi ông C1 nhận lại giấy tờ xe, ông C1 không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe với ông C nên ông C1 đã chuyển trả lại cho ông L số tiền 5.000.000 đồng. Ông C1 xác nhận hiện đang giữ bản chính giấy đăng ký xe và sổ đăng kiểm xe ô tô biển số 61C-290.65, còn xe ô tô biển số 61C-290.65 thì ông C1 đã giao cho ông C sử dụng từ năm 2020.

Việc mua bán xe giữa ông C và ông L, ông C1 có biết và đồng ý, nhưng sau khi ông C bán xe cho ông L, ông C có nhận được một khoản tiền bán xe từ ông L nhưng ông C không trả tiền cho ông C1. Cho thấy, ông C không có thiện chí trả số nợ khác của ông C1 liên quan đến việc xẻ phôi cao su và vay tiền.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông C, ông C1 không đồng ý công nhận Hợp đồng mua bán xe ô tô tải hiệu Kamaz, màu xanh, biển số 61C-290.65 giữa ông Phạm Minh C và ông Trần Quốc C1 ngày 15/6/2022 và trả bản chính Giấy đăng ký ô tô số 054441 đối với xe ô tô tải hiệu Kamaz, màu xanh, biển số 61C-290.65 cấp cho ông Trần Quốc C1 ngày 18/8/2017 và Sổ đăng kiểm với số phiếu kiểm định 6103S-22780/23 do Đơn vị đăng kiểm chi nhánh đăng ký xe cơ giới 61.03S cấp ngày 04/12/2023 cho ông C. Lý do: Ngoài quan hệ mua bán xe, ông C1 và ông C có việc đặt cọc xẻ phôi cao su 700.000.000 đồng (không tính lãi suất) và vay số tiền 400.000.000 đồng (lãi suất ban đầu là 3%/tháng, sau là 6%/tháng). Việc đặt cọc xẻ phôi cao su, ông C đã trả cho ông C1 số tiền 250.000.000 đồng, còn tiền vay ông C chưa trả cho ông C1 khoản nào. Do đó, số tiền ông C mua xe cũng là nguồn tiền của ông C1 cho ông C vay mượn. Ông C1 không yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án. Ngoài ra, không có ý kiến hay yêu cầu gì bổ sung.

Người làm chứng ông Nguyễn Tùng L1 trình bày: Ông L1, ông C, ông C1 và ông L là bạn bè quen biết nhau. Ông L1 có biết ông C mua của ông C1 01 xe ô tô tải hiệu Kamaz, màu xanh, biển số 61C-290.65. Xe này ông C đã thanh toán

đủ giá trị xe cho ông C1 thông qua hình thức giao gở. Ông C1 cũng đã giao xe cùng giấy tờ, sổ đăng kiểm xe cho ông C. Sau một thời gian sử dụng xe thì phù hiệu xe hết hạn, ông L, ông C có nhờ ông C1 làm lại phù hiệu xe, ông C1 yêu cầu ông L chuyển 5.000.000 đồng. Ông L đã chuyển cho ông C1 số tiền 5.000.000 đồng và giấy tờ xe, sổ đăng kiểm đã đưa cho bà Đỗ Thị T (vợ ông C1) theo yêu cầu của ông C1. Ông L, ông C đã nhiều lần yêu cầu ông C1 trả giấy tờ xe và ký hợp đồng mua bán xe. Tuy nhiên, ông C1 lảng tránh, không thực hiện nghĩa vụ của mình. Việc mua bán xe giữa ông C và ông L, ông L1 và ông C1 cũng biết. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông L1 đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc nợ nần giữa ông L1, ông L, ông C, chúng tôi tự thoả thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông L1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, không có ý kiến gì khác.

Người làm chứng ông Đỗ Thới L trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết giữa ông L, ông C1 và ông C, Ông C nói với ông L là đang cần bán xe ô tô tải hiệu Kamaz, màu xanh, biển số 61C-290.65 do ông C mua của ông C1 nhưng chưa sang tên. Trước khi ông L mua xe ô tô biển số 61C-290.65 của ông C, ông L có hỏi ý kiến của ông C1 về việc ông C bán xe cho ông C1. Ông C1 có đồng ý việc mua bán xe giữa ông C và ông L để cản trở khoản nợ của ông C đối với ông Nguyễn Tùng L1. Ngày 20/11/2023, ông L và ông C đã ký thỏa thuận hợp đồng mua bán xe ô tô tải nói trên với giá 835.000.000 đồng. Ông L đã giao cho ông C là 535.000.000 đồng. Do ông xe của ông C1 còn đứng tên và ông C còn nợ ông C1 100.000.000 đồng nên ông L, ông C và ông C1 có thỏa thuận là ông C đưa cho ông C1 100.000.000 đồng khi ông C1 ký hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 61C-290.65. Thỏa thuận này không được lập thành văn bản. Giấy tờ xe ông C giao cho ông L giữ. Khi phù hiệu xe hết hạn, ông L có nhờ ông C1 làm lại phù hiệu xe, ông C1 yêu cầu ông L chuyển 5.000.000 đồng. Ông L đã chuyển cho ông C1 số tiền 5.000.000 đồng và giấy tờ xe, sổ đăng kiểm đã đưa cho bà Đỗ Thị T (vợ ông C1) theo yêu cầu của ông C1. Ông L đã nhiều lần yêu cầu ông C1 trả giấy tờ xe và ký hợp đồng mua bán. Tuy nhiên, ông C1 lảng tránh, không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh C đối với bị đơn ông Trần Quốc C1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Công nhận Hợp đồng mua bán xe ngày 15/6/2022 giữa ông Phạm Minh C và ông Trần Quốc C1 đối với xe ô tô, biển số 61C290.65, hiệu Kamaz, dung tích xi lanh 10.850cm³, loại xe tải có mui, màu xanh, số máy 0300G2820600, tải trọng 17.955kg, hạn sử dụng đến hết ngày 31/12/2042 do ông Trần Quốc C1 đứng tên sở hữu có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Trần Quốc C1 trả bản chính Giấy đăng ký ô tô số 054441 do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp cho ông Trần Quốc C1 ngày 18/8/2017 và Sổ đăng

kiểm với số phiếu kiểm định 6103S-22780/23 do Đơn vị đăng kiểm chi nhánh đăng ký xe cơ giới 61.03S cấp ngày 04/12/2023 cho ông Phạm Minh C.

Ông Phạm Minh C được quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký sở hữu xe ô tô Kamaz, biển số 61C290.65 theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/8/2024 bị đơn ông Trần Quốc C1 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Giao dịch mua bán xe giữa ông C và ông C1 có xảy ra trên thực tế. Về hình thức, Hợp đồng mua bán xe ngày 15/6/2022 giữa ông C1 và ông C không có công chứng chứng thực, chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 129 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, hợp đồng này do ông C1 soạn thảo, đánh máy, ông C1 và ông C đã đồng ý các nội dung thỏa thuận tại hợp đồng và đồng ý ký tên. Tại thời điểm mua bán, ông C và ông C1 đã xác nhận đã giao xe cho ông C từ năm 2020, đến ngày 15/6/2022, hai bên ký hợp đồng mua bán và ông C1 đã giao giấy tờ, sổ đăng kiểm cho ông C, chứng tỏ xe ô tô tải không còn là tài sản thế chấp tại Ngân hàng. Mặc dù, ông C không có chứng cứ chứng minh cho việc giao số tiền 700.000.000 đồng cho ông C1 nhưng tại Văn bản trình bày ý kiến của ông C1 đến Ban Lãnh đạo Công an phường P ngày 16/01/2024 có nội dung thừa nhận là ông C1 đã nhận đủ tiền ông C trả. Như vậy, giao dịch dân sự đã được hai bên thực hiện nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hiệu lực của Hợp đồng mua bán xe ngày 15/6/2022 là đúng quy định tại Điều 129 của Bộ luật Dân sự. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Quốc C1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Quốc C1 nộp trong thời hạn luật định, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ, vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Quốc C1: Ông C1 cho rằng Hợp đồng mua bán xe ngày 15/6/2022 được ký kết giữa ông Trần Quốc C1 và ông Phạm Minh C vô hiệu do ông C chưa trả hết tiền mua xe cho ông C1; đồng thời, tại thời điểm ông C1 bán xe cho ông C thì xe ô tô tải trên đang được thế chấp tại Ngân hàng.

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Trần Quốc C1 cho rằng thời điểm ký kết hợp đồng mua bán (ngày 15/6/2022) với ông Phạm Minh C xe ô tô tải hiệu Kamaz, màu xanh, biển số xe 61C-290.65 đang được thế chấp tại Ngân hàng. Xét thấy, đối với tài sản đang được thế chấp tại Ngân hàng, nếu được sự đồng ý của Ngân hàng, bên thế chấp mới có quyền thực hiện giao dịch mua bán. Trong trường hợp này, bên thế chấp là ông Trần Quốc C1 bắt buộc phải thông báo cho Ngân hàng về mục đích giao dịch và kế hoạch trả nợ của mình theo quy định tại Điều 321 của Bộ luật Dân sự 2015. Ông C1 không thực hiện thông báo cho Ngân hàng nhưng vẫn thỏa thuận bán tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng cho ông C, đây là lỗi của ông C1. Tuy nhiên, theo trình bày của ông C1 thì đến tháng 8 năm 2022, việc thế chấp xe tại Ngân hàng đã được ông C1 giải chấp nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng và ông C1 vẫn là chủ sở hữu của xe ô tô tải trên. Đồng thời, ông C biết xe đang thế chấp tại Ngân hàng nhưng vẫn đồng ý mua thể hiện ý chí thỏa thuận giữa hai bên. Ngày 15 tháng 6 năm 2022, ông Trần Quốc C1 đã ký hợp đồng mua bán chiếc xe trên cho ông Phạm Minh C, đồng thời giao giấy tờ, sổ đăng kiểm xe cho ông C. Trong quá trình tố tụng, ông C và ông C1 thống nhất thừa nhận ông C1 đã giao xe cho ông C sử dụng từ năm 2020. Do đó, thời điểm chuyển giao quyền sở hữu tài sản là ngày 15 tháng 6 năm 2022.

[2.2] Đối với kháng cáo của ông C1 về việc cho rằng ông C chưa thực hiện thanh toán hợp đồng, chưa trả tiền cho ông C1: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng mua bán xe ngày 15/6/2022 thể hiện giá mua bán và phương thức thanh toán như sau: *“Giá mua bán xe nêu tại Điều 1 là 1.000.000.000 đồng; phương thức thanh toán là bằng tiền mặt; việc thanh toán số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật”*. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông C1 thừa nhận hợp đồng trên do hai bên thống nhất nội dung và ông soạn trên máy tính rồi in ra, ông C và ông C1 đồng ý các nội dung thỏa thuận tại hợp đồng và đồng ý ký tên. Nguyên đơn ông C cho rằng giá thỏa thuận là 700.000.000 đồng nhưng ông C1 tự ghi trong hợp đồng là 1.000.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 27/02/2024 trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2024/TLST-DS ngày 20/02/2024 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) B, ông C1 cũng thừa nhận: *“Giá thực tế...khoảng 700.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng”*. Tại Văn bản trình bày ý kiến của ông C1 đề ngày 16/01/2024 mà ông C1 nộp cho Ban lãnh đạo Công an phường H, có nội dung: *“Tôi có bán cho ông C chiếc xe tải thùng Kamaz biển số 61-C290.65, ông C đã trả cho tôi đủ tiền chiếc xe rồi”*. Do đó, có đủ chứng cứ cho rằng ông C1 đã nhận đủ tiền mua xe từ ông C do đó, ông C1 kháng cáo cho rằng ông C chưa thực hiện thanh toán hợp đồng mua bán cho ông C1 là không có cơ sở.

[2.3] Về hình thức, Hợp đồng mua bán xe giữa nguyên đơn và bị đơn không được công chứng, chứng thực là chưa đảm bảo điểm g, khoản 1 Điều 10, Thông tư số 15/2014-TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ C3. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự quy định “*Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực*”.

[2.4] Tại phiên tòa, ông C1 xác nhận đang giữ bản chính giấy tờ xe vì ông C đã bán xe lại cho ông L và giao giấy tờ xe vẫn đang đứng tên ông C1 cho ông L. Do phù hiệu xe hết thời hạn nên ông L có nhờ ông C1 làm lại phù hiệu xe và giao bản chính giấy tờ xe cho ông C1. Tuy nhiên, sau khi ông C1 nhận giấy tờ xe và sổ đăng kiểm thì ông C1 không giao trả. Do không có giấy tờ xe, ông C không sử dụng được xe nên đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C nên ông C khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán xe và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, xét thấy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Quốc C1.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông C1 là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông C1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 117, Điều 122, Điều 129, Điều 321 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Quốc C1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh C đối với bị đơn ông Trần Quốc C1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

2. Công nhận Hợp đồng mua bán xe ngày 15/6/2022 giữa ông Phạm Minh C và ông Trần Quốc C1; ông Phạm Minh C được sở hữu, sử dụng đối với xe ô tô, biển số 61C-290.65, hiệu Kamaz, dung tích xi lanh 10.850cm³, loại xe tải có mui, màu xanh, số máy 0300G2820600, tải trọng 17955kg, hạn sử dụng đến hết ngày 31/12/2042 do ông Trần Quốc C1 đứng tên.

3. Buộc ông Trần Quốc C1 giao cho ông Phạm Minh C bản chính Giấy đăng ký ô tô số 054441 do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp cho ông Trần Quốc C1 ngày 18/8/2017 và Sổ đăng kiểm với số phiếu kiểm định 6103S-22780/23 do Đơn vị đăng kiểm chi nhánh đăng ký xe cơ giới 61.03S cấp ngày 04/12/2023.

4. Ông Phạm Minh C được quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu xe ô tô Kamaz, biển số 61C290.65 theo quy định pháp luật.

5. Án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Quốc C1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Phạm Minh C số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000701 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Quốc C1 phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000865 ngày 27/8/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Huỳnh

